

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2018

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Minh Thiệp

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú, Tân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lư Thùy L, sinh năm 1971.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965.

Cùng cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lư Thùy L trình bày: Vào năm 1990, bà và ông Trần Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có những bất đồng quan điểm và xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, hiện bà và ông Trần Văn Đ không còn chung sống với nhau đã 7 năm. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, nay bà yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Đ. Con chung có bốn người tên là Trần Ngọc T, sinh năm 1991; Trần Mộng L1, sinh năm 1992; Trần Mộng A, sinh năm 1998 và Trần Hữu L, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2002. Hiện Trần Ngọc T, Trần Mộng L1 và Trần Mộng A đã trưởng thành, tự

lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết. Riêng Trần Hữu L hiện đang do ông Trần Văn Đ nuôi dưỡng, bà yêu cầu giao người con chung cho ông Trần Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung gồm có 01 căn nhà trị giá 25.000.000 đồng và phần đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 18.800 m² trị giá 450.000.000 đồng. Bà và ông Trần Văn Đ tự thỏa thuận và thống nhất để lại cho các con, nên không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Lư Thùy L về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng và thời gian không còn sống chung là đúng. Nay bà Lư Thùy L yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý. Về con chung, ông và bà Lư Thùy L có bốn người con chung đúng như bà Lư Thùy L đã trình bày. Hiện Trần Ngọc T, Trần Mộng L1 và Trần Mộng A đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng Trần Hữu L, không yêu cầu bà Lư Thùy L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung đúng như bà L trình bày, nay ông và bà L tự thỏa thuận không yêu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lư Thùy L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn Đ. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lư Thùy L và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà L và ông Đ không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lư Thùy L và ông Trần Văn Đ.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông Đ có bốn người con tên Trần Ngọc T, sinh năm 1991; Trần Mộng L1, sinh năm 1992; Trần Mộng A, sinh năm 1998 và Trần Hữu L, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2002. Đối với các người con chung tên Trần Ngọc T, Trần Mộng L1, Trần Mộng A đã trưởng thành và đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Trần Hữu L, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà L và ông Đ đã thỏa thuận Giao người con tên Trần Hữu L cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự

thỏa thuận giữa bà L và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung tên Trần Hữu L thể hiện tại bản tự khai ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Trần Hữu L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà L và ông Đ, giao người con chung tên Trần Hữu L, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2002 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung bà L và ông Đ tự thỏa thuận. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000đ, bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lư Thùy L và ông Trần Văn Đ.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trần Hữu L, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2002 cho ông Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lư Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: bà Lư Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006889 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều